

Số: **458/2022/QĐST-HNGĐ**

Quận H, ngày 18 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số **439/2022/TLST-VHNGĐ** ngày 09/8/2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn giữa:

Người yêu cầu:

+ **Chị Nguyễn Thị N**; sinh năm 1985

HKTT và nơi ở: Căn hộ 1107, Tòa chung cư A, số 250 M, phường M, quận H, thành phố H.

+ **Anh Đặng Cao C**; sinh năm 1985

HKTT và nơi ở: Căn hộ 1107, Tòa chung cư A, số 250 M, phường M, quận H, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Cao C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 19/01/2011 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố S, tỉnh T. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại căn hộ 1107, Tòa chung cư A, số 250 M, phường M, quận H, thành phố H. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Nay anh chị cùng xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ

chồng không còn, không duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cùng có nguyện vọng được thuận tình ly hôn. Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng các đương sự không đồng ý về đoàn tụ, hai bên thuận tình ly hôn và đã thoả thuận được với nhau về các nội dung: tài sản chung, công nợ chung, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và nghĩa vụ chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình được ghi nhận tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 10/8/2022.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Cao C.

1.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Cao C cùng xác nhận có ba con chung là Đặng Băng C, sinh ngày 15/12/2012; Đặng Châu A, sinh ngày 19/6/2017 và Đặng Thiên P, sinh ngày 12/8/2020. Anh chị thoả thuận sau khi ly hôn, chị N là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục ba con chung kể từ khi ly hôn cho đến khi ba con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc ba con chung mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh C thoả thuận, sau khi ly hôn mỗi tháng anh C cấp dưỡng nuôi cháu C 5.000.000 (Năm triệu đồng); cấp dưỡng nuôi cháu Châu A 5.000.000 (Năm triệu đồng) và cấp dưỡng nuôi cháu P 5.000.000 (Năm triệu đồng) kể từ khi ly hôn cho đến khi ba con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

1.3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Cao C xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.4. Về công nợ chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Đặng Cao C xác nhận không vay nợ ai và không cho ai vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự để chị N chịu toàn bộ lệ

phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) chị đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012670 ngày 09/8/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố H;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường T, S, T,
số 09 ngày 19/01/2011 (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lương Thị Thu H